

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH CHƯƠNG
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2020/HNGĐ - ST

Ngày: 10/6/2020.

V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH CHƯƠNG, TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Văn Dũng**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: **Hoàng Văn Bình**

2. Ông: **Nguyễn Phương Phú**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Bá Anh** là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà **Trần Thùy Dung** - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 47/2020/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2020/QĐST- HNGĐ ngày 27/5/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị L**, sinh năm: 1985; địa chỉ: Xóm D, xã T, huyện TC, tỉnh NA.

Bị đơn: Anh **Trần Văn T**, sinh năm: 1979; địa chỉ: Xóm D, xã T, huyện TC, tỉnh NA. Vắng mặt. (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt của người đại diện hợp pháp)

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà **Trần Thị H**, sinh năm 1950; địa chỉ: Xóm D, xã T, huyện TC, tỉnh NA. Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư: **Lê Đăng Tế** - Cộng tác viên Trung tâm TGPL Nhà nước tỉnh Nghệ An. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện đề ngày 25/02/2020, bản tự khai, biên bản hòa giải và lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày như sau:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Trần Văn T kết hôn với nhau vào ngày 18/01/2016 có đăng ký kết hôn tại UBND xã TY, huyện TC. Sau khi kết hôn vợ chồng sống không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, vợ chồng không tôn trọng, tin tưởng nhau, vợ chồng chị sống ly thân từ tháng 4/2016 đến nay. Tình cảm vợ chồng là không còn nữa chị Nguyễn Thị L đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Trần Văn T.

Về con chung: Vợ chồng chị Nguyễn Thị L, anh Trần Văn T không có con chung.

Về chia tài sản và nợ: Chị Nguyễn Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến bà Trần Thị H là người đại diện hợp pháp của bị đơn: Tại biên bản ghi lời khai ngày 21/5/2020 bà Trần Thị H có ý kiến: Bố anh Trần Văn T đã chết, mẹ anh T già yếu gần 90 tuổi, hiện nay không minh mẫn, do đó bà Trần Thị H là chị gái đầu của anh Trần Văn T làm người đại diện cho anh Trần Văn T.

Anh Trần Văn T bị bệnh thần kinh, hiện đang hưởng chế độ trợ cấp xã hội tại cộng đồng, anh Trần Văn T hiện làm nghề lao động tự do, không có mặt ở nhà nên anh không đến Tòa án làm việc theo giấy báo của Tòa án.

Về hôn nhân: Anh Trần Văn T kết hôn với chị Nguyễn Thị L vào năm 2016 có đăng ký kết hôn tại UBND xã TY, huyện TC. Sau khi kết hôn anh Trần Văn T bị bệnh, chị Nguyễn Thị L không chăm sóc, quan tâm chồng do đó xảy ra mâu thuẫn thường xuyên. Vợ chồng anh T, chị L sống chung với nhau được thời gian đầu, sau đó chị L bỏ về nhà bố mẹ để sống đến nay.

Vợ chồng anh Trần Văn T, chị Nguyễn Thị L sống không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng là không còn nữa nên bà Trần Thị H đồng ý để cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Trần Văn T.

Về con chung: Vợ chồng chị Nguyễn Thị L, anh Trần Văn T không có con chung.

Về chia tài sản và nợ: Vợ chồng chị Nguyễn Thị L, anh Trần Văn T không có tài sản chung, không có nợ chung do đó bà Trần Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Trần Văn T:

Luật sư Lê Đăng T có ý kiến: Về quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị L và anh Trần Văn T chỉ tồn tại về mặt hình thức, thực chất tình trạng hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân từ lâu không quan tâm giúp đỡ lẫn nhau, mục đích của hôn nhân không đạt được do đó đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Trần Văn T.

Về con chung: Vợ chồng chị Nguyễn Thị L, anh Trần Văn T không có con chung.

Về chia tài sản và nợ: Người đại diện hợp pháp của bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó luật sư không có ý kiến gì.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

-Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Trần Văn T.

- Về nuôi con chung: Vợ chồng không có con chung nên không xem xét.
- Về chia tài sản: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.
- Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án có bị đơn anh Trần Văn T là người khuyết tật, có nhược điểm về thể chất thuộc trường hợp có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi được quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc trường hợp Viện kiểm sát phải tham gia phiên tòa sơ thẩm. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã thông báo cho Viện kiểm sát cử kiểm sát viên tham gia phiên tòa sơ thẩm và bị đơn đã có chị gái là bà Trần Thị H làm người đại diện hợp pháp tham gia tố tụng là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án: Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị L và anh Trần Văn T là hợp pháp, được xác lập trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TY, huyện TC vào ngày 18/01/2016. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian đầu, đến tháng 4/2016 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, vợ chồng không tin tưởng, quan tâm giúp đỡ lẫn nhau. Nay chị Nguyễn Thị L xin ly hôn thì người đại diện hợp pháp của bị đơn cũng đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy về quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị L và anh Trần Văn T chỉ tồn tại về mặt hình thức, thực chất tình trạng hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được do đó chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L, xử cho chị được ly hôn với anh Trần Văn T là đúng với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con chung: Vợ chồng chị Nguyễn Thị L và anh Trần Văn T không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về chia tài sản và nợ: Các đương sự và người đại diện hợp pháp của đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Xét thấy ý kiến phát biểu tại phiên tòa của đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng và việc đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng pháp luật để giải quyết nội dung vụ án là có căn cứ, đúng pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử:

Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Trần Văn T.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 (*Ba trăm ngàn*) đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn*) theo biên lai số 0005737 ngày 27/02/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn; người đại diện hợp pháp của bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKS huyện Thanh Chương;
- Chi cục THA dân sự H. Thanh Chương;
- UBND xã TY;
- Các đương sự;
- Người đại diện hợp pháp của đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Dũng

